

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HS-ST
Ngày: 04-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Độ;

Ông Tông Văn Hưởng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Sòi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Quàng Văn Cuộc - Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 30/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HS ngày 19/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn H, mã số định danh cá nhân: 014095002419; sinh ngày 05/7/1995 tại xã D2, huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản C, xã D2, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn P và bà Lò Thị P1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2022 đến nay; có mặt.

2. Tông Văn N, mã số định danh cá nhân: 014098004926; sinh ngày 13/4/1998 tại xã D2, huyện S, tỉnh Sơn La; nơi thường trú: Bản D, xã D2, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tông Văn N1 và bà Tông Thị Đ; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 06/7/2022 đến nay; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Ông Tông Văn N1, sinh năm 1962, nơi cư trú: Bản D, xã D2, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

+ Anh Lò Văn T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Bản D, xã D2, huyện S, tỉnh

Sơn La; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Lò Văn P, sinh năm 1970; Bản C, xã D2, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Tòng Văn L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản D, xã D2, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Ông Lê Đình T1, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 45 phút ngày 06/7/2022, Tổ công tác Công an xã N2 làm nhiệm vụ tại khu vực đầu cầu treo thuộc bản C, xã N2, huyện S dừng xe mô tô của Lò Văn H đang đi từ bản C ra đường tỉnh lộ 105 để tiến hành kiểm tra. Qua quá trình tra hỏi, H khai nhận vừa đi mua ma túy của 01 người đàn ông tên P2 ở bản C để sử dụng nhưng do sợ bị phát hiện nên đã giấu gói ma túy ở ven đường. H dẫn Tổ công tác quay lại bản C khoảng 450m và lật tấm bê tông vỡ ven đường có 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa 15 viên nén hình trụ tròn màu hồng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, thu giữ gói vật chứng nghi ma túy, tạm giữ của H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future có BKS 26K4-4966, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ, 01 bật lửa ga màu vàng nhãn hiệu H-Viet.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, H khai ra Tòng Văn N, sinh năm 1998 trú tại bản D, xã D2, huyện S, cũng đi mua ma túy cùng H để sử dụng; chiếc xe mô tô BKS 26K4-4966 là xe của N; N đang chờ H ở trong nhà kho của người đàn ông tên P2 tại đường tỉnh lộ 105. Tổ công tác đã đến lán và mời N đến trụ sở Công an xã N2 làm việc. Tại đây, N đã thừa nhận việc đi cùng H mua ma túy để sử dụng, đồng thời giao nộp số tiền 290.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen.

Ngày 07/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả xác định vị trí Lò Văn H cất giấu gói ma túy ở sát mép tường rào B40 của gia đình anh Vì Văn M ở bản C, xã N2, nằm trên đường dân sinh cách đường tỉnh lộ 105 khoảng 460m. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh lấy mẫu giám định, kết quả: 15 viên nén màu hồng thu giữ của H có tổng khối lượng 1,50 gam, đã sử dụng hết làm mẫu giám định ký hiệu HN.

Kết luận giám định số 1211/KL-KTHS ngày 08/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: "*Mẫu gửi giám định ký hiệu HN là ma túy, loại Methamphetamine, lượng mẫu gửi giám định là 1,50 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ được là 1.50 gam, loại Methamphetamine*". Đối với số tiền Tòng Văn N giao nộp, Kết luận giám định số 1255/KLGĐ ngày 12/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: "*Số tiền 290.000đ gửi giám định là*

tiền thật". Sau khi giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã gửi lại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S 0,3gam Methamphetamine còn lại và 290.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi như sau:

Tối ngày 05/7/2022, Lò Văn H, Tòng Văn N, Lò Văn T và Tòng Văn L cùng nhau uống bia và hát karaoke mừng sinh nhật của H tại lán của gia đình Tòng Văn N ở bản D, xã D2. Sau đó bốn người ngủ lại lán. Khoảng 01 giờ ngày 06/7/2022, H dùng điện thoại gọi điện cho một người đàn ông tên P2 trú tại bản C, xã N2, có số thuê bao 0354064999 hỏi mua ma túy để sử dụng. P2 đồng ý bán nhưng do uống bia say nên H không đi mua ma túy. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 06/7/2022, bốn người ngủ dậy và cùng nhau đi ăn sáng tại quán của anh Tòng Văn T2 ở bản C, xã D2. Sau khi ăn sáng xong, L thanh toán tiền bằng hình thức chuyển khoản cho chủ quán rồi đi lên nhà Tòng Văn A uống rượu. T về nhà lấy tiền để trả tiền ăn sáng cho L. H và N đi xe máy của N về nhà T. T đến quán của T2 để trả tiền ăn sáng thì được biết L đã thanh toán nên quay về. Khi T về đến nhà, H và N đang ở sân. T đưa cho N 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và bảo N đi trả tiền cho L 200.000 đồng do L đã trả tiền ăn sáng. N cầm tờ tiền rồi điều khiển xe đi để trả cho L. Do không có tiền lẻ nên trên đường đi N đã dừng ở quán ven đường mua 01 chai nước ngọt hết 10.000đ. Sau đó N đi lên nhà Tòng Văn A trả cho L số tiền 200.000 đồng, còn lại 290.000 đồng N cất trong túi quần đang mặc rồi quay lại nhà T.

Trong lúc N đi trả tiền cho L, H ở nhà T đợi, do muốn sử dụng ma túy để giải rượu nên H lại gọi cho người đàn ông tên P2 hỏi mua ma túy sử dụng. Một lúc sau, H thấy N đi xe quay lại và dừng xe ở cổng nhà T, biết N đang cầm tiền thừa chưa trả cho T nên H ra nói với N "*Mượn tiền của T đi N2 chơi trước đi*". Do trước đây đã từng đến xã N2 để mua ma túy sử dụng cùng nhau nên N hiểu là H rủ đi mua ma túy để sử dụng. Vì đang say rượu và muốn sử dụng hồng phiến để giải rượu nên N đồng ý. H điều khiển xe chở N ngồi sau, khi chuẩn bị đi thì T có hỏi số tiền thừa thì H nói sẽ trả sau rồi cùng N đi sang xã N2. Khi đến lán cạnh nhà kho ven đường của P2 tại bản C, xã N2, H bảo N đi vào trong lán đợi, còn H điều khiển xe mô tô đi qua cầu treo vào trong bản C. Đến gần cuối bản, H gặp P2 đang đứng ở đường trong bản. Khi gặp nhau, P2 đưa cho H 01 chiếc bật lửa gas màu vàng và 01 gói nilon màu xanh chứa viên hồng phiến và bảo cầm đi ra lán trước, P2 quên chìa khóa nên sẽ lấy xe đạp đi sau. Sau đó, P2 đi bộ quay lại nhà, còn H cầm lấy gói ma túy và điều khiển xe đi trước. Khi đi được khoảng 20m, do nghi ngờ và sợ bị bắt nên H đã dừng xe và giấu gói ma túy ở dưới mảnh bê tông vỡ tại mép đường rồi điều khiển xe quay lại chỗ N. Qua cầu treo thì bị Tổ công tác Công an xã N2 yêu cầu dừng xe. H đã khai nhận hành vi và khai ra N.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án, theo lời khai của H là lấy từ một người đàn ông tên P2 tại bản C, xã N2 để cùng N sử dụng, sau khi sử dụng hết bao nhiêu thì sẽ trả tiền cho P2 với giá 40.000 đồng/1 viên. Qua xác minh tại bản C, xã N2, có 01 người đàn ông tên Vì Văn P2, sinh năm 1972 có đặc điểm như H mô tả. Cơ quan điều tra cho H nhận dạng người đưa ma túy cho H thì H nhận diện đúng ảnh của Vì Văn P2. P2 có 01 nhà kho và 01 lán ở ven đường tỉnh lộ 105

nhưng không có ai trông coi. Qua kiểm tra nhật ký điện thoại của Lò Văn H xác định ngày 06/7/2022 H đã liên lạc với số điện thoại 0354064999 được lưu tên "M P2". P2 thừa nhận số thuê bao 0354061999 là của P2 và thừa nhận H có gọi điện nói chuyện với P2 vào sáng ngày 06/7/2022 nhưng chỉ hỏi thăm sức khỏe và hỏi mua dao, mua chim, không có nội dung liên quan đến trao đổi mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã triệu tập P2 đến làm việc, lấy lời khai, tiến hành đối chất với Lò Văn H nhưng P2 không thừa nhận việc bán ma túy cho H. N khai chưa bao giờ trực tiếp mua bán ma túy với P2 nên N không quen biết P2, các lần trước sử dụng ma túy cùng H tại lán của P2 đều do H đứng ra mua và trả tiền. Ngoài lời khai của H không có chứng cứ nào khác chứng minh việc P2 bán ma túy cho H nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Ngày 30/8/2022, ông Lò Văn P, sinh năm 1970, trú tại bản C, xã N2 (là bố đẻ của Lò Văn H) có đơn xin lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ lấp 01 sim có số thuê bao 0962085465 tạm giữ của Lò Văn H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S nhận thấy đã kiểm tra chiếc điện thoại nên ngày 01/9/2022 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông P. Viện kiểm sát nhân dân huyện S xét thấy chiếc điện thoại là vật chứng liên quan đến vụ án nên đã yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S thu lại chiếc điện thoại. Tuy nhiên, chiếc điện thoại đã bị mất, không thu hồi được.

Bản Cáo trạng số 72/CT-VKSSC ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Lò Văn H và bị cáo Tòng Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng. Người làm chứng khai nội dung sự việc phù hợp với lời khai của các bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tòng Văn N1 đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26K4-4966. Ông Lò Văn P khai đã làm mất chiếc điện thoại tạm giữ của Lò Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Văn H và Tòng Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; xác định các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm, trong đó bị cáo H giữ vai trò lớn hơn và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lò Văn H từ 18 đến 22 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Tòng Văn N từ 16 đến 20 tháng tù. Về xử lý vật chứng, tịch thu tiêu hủy: 0,3 gam ma túy, chiếc bật lửa, vỏ phong bì đựng vật chứng, 01 mảnh bê tông màu xám; trả lại cho ông Tòng Văn N1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26K4-4966; tịch thu sung công quỹ 290.000 đồng; trả lại cho bị cáo Tòng Văn N chiếc điện thoại Oppo màu xanh đen. Về án phí, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tòng Văn N1 và anh Lò Văn T nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhất trí với

luyện tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tuy nhiên, đối với việc xử lý chiếc điện thoại OPPO A3S màu đỏ thu giữ của Lò Văn H, cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại cho ông Lò Văn P ngày 01/9/2022. Chiếc điện thoại sau khi trả cho ông P đã bị rơi mất. Ngày 22/10/2022, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không tìm được. Theo lời khai của bị cáo H và ông P, chiếc điện thoại là tài sản của H. H khai đã sử dụng chiếc điện thoại này để thỏa thuận, trao đổi việc mua ma túy. Do đó, đây là vật chứng trong vụ án. Tuy nhiên, trước đó Cơ quan điều tra và Công an xã N2 đã kiểm tra chiếc điện thoại và xác định ngày 06/7/2022 H có gọi điện cho P2 07 cuộc gọi, ngoài ra không phát hiện thông tin, dữ liệu liên quan đến việc mua bán, sử dụng ma túy. Do vậy, việc trả lại vật chứng mặc dù không đúng nhưng không ảnh hưởng đến việc chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử đề nghị cơ quan điều tra rút kinh nghiệm trong việc xử lý vật chứng.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T vắng mặt. Tuy nhiên, anh T đã có lời khai và yêu cầu trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của anh T không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về hành vi của các bị cáo, tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Ngày 06/7/2022, Lò Văn H, Tống Văn N đã có hành vi cùng nhau đến bản C, xã N2, huyện S mua ma túy sử dụng để giải rượu. Khi đến nơi, N đợi ở lán cạnh đường tỉnh lộ 105 và giữ số tiền 290.000 đồng để trả tiền mua ma túy sau khi sử dụng, còn H dùng xe mô tô của N đi vào trong bản C để lấy gói ma túy từ người bán. Sau khi nhận ma túy, Hỏa nghi ngờ và sợ bị bắt nên cất giấu gói ma túy ở ven đường và quay lại chỗ N. Khi bị Tổ công tác Công an xã N2 dừng lại kiểm tra, H đã thừa nhận việc cùng N đi mua ma túy và chỉ nơi cất giấu gói nilon màu xanh chứa 15 viên ma túy tổng hợp loại Methamphetamine có tổng khối lượng 1,5 gam. Tổ công tác Công an xã N2 đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, thu giữ gói ma túy và vật chứng liên quan, đồng thời triệu tập N đến làm việc. N đã thừa nhận hành vi cùng H đi mua ma túy để sử dụng, đồng thời giao nộp số tiền 290.000 đồng. Lời khai của các bị cáo là thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố

và xét xử, phù hợp với Biên bản sự việc, Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, Sơ đồ nơi xảy ra sự việc, Bản ảnh kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc, Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an xã N2 lập; phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra do Cơ quan điều tra thực hiện; phù hợp với kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, lời khai của những người làm chứng. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh Lò Văn H và Tòng Văn N đã có hành vi tàng trữ 1,5 gam Methamphetamine để sử dụng. Các bị cáo đã thành niên và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ, sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Về vai trò của các bị cáo, Lò Văn H khai đã có ý định sử dụng ma túy từ đêm ngày 05/7 và sáng ngày 06/7/2022 để giải rượu. Khi H thấy N cầm tiền của T về sau khi đi trả tiền ăn sáng cho Tòng Văn L, H đã rủ N đi sang xã N2 mua ma túy về sử dụng. N đã đồng ý với đề nghị của H. Cả hai bị cáo đã cùng nhau đi mua ma túy về sử dụng. Như vậy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, H là người khởi xướng, rủ rê N, trực tiếp đi mua ma túy nên giữ vai trò lớn hơn N và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với N. Đối với lời khai của các bị cáo là trước đây đã từng mua ma túy của Vì Văn P2 để sử dụng, ngoài lời khai thì không có chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về đối tượng bán ma túy cho các bị cáo, Tòng Văn N khai không biết người bán, Lò Văn H khai đó là Vì Văn P2, trú tại Bản C, xã N2. Kết quả kiểm tra điện thoại của H xác định từ 00 giờ 46 phút đến 10 giờ 27 phút ngày 06/7/2022, H và P2 có 07 cuộc gọi. Trong đó, H gọi cho P2 04 cuộc (*cuộc gọi thứ nhất lúc 00h46' kéo dài 53 giây, cuộc gọi thứ hai lúc 00h50' kéo dài 2 phút 20 giây, cuộc gọi thứ ba lúc 08h59' kéo dài 44 giây, cuộc gọi thứ tư lúc 10h27' kéo dài 22 giây*), P2 gọi cho H 03 cuộc (*cuộc gọi thứ nhất lúc 01h11' kéo dài 1 phút 12 giây, cuộc gọi thứ hai lúc 09h07' kéo dài 33 giây, cuộc gọi thứ ba lúc 09h52' kéo dài 38 giây*). H còn khai trước đó H và N đã mua ma túy của P2 5 - 6 lần, đều sử dụng tại lán hoặc nhà kho của P2 ở cạnh đường tỉnh lộ 105. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho H nhận dạng P2, kết quả là H nhận ra P2. Tại cơ quan điều tra, Vì Văn P2 khai: có quen biết H do từ khoảng tháng 9/2021 H sang nhà xem chim P2 đi bẫy và xem dao của P2 rèn. Đêm ngày 05/7 và sáng ngày 06/7/2022, H có gọi điện hẹn lên xem chim và xem Dao. P2 chờ nhưng không thấy H lên. P2 khai không có việc bán ma túy cho H. Sáng ngày 06/7/2022, P2 ở nhà cùng vợ là Tòng Thị T2 trông cháu ngoại bị ốm. Từ 08h đến 11h có ông thông gia là Tòng Văn T3 đến chơi và thăm cháu nội. Bà Tòng Thị T2 khai nội dung sự việc như Vì Văn P2 trình bày. Ông Tòng Văn T2 xác nhận sự việc và khai không thấy P2 đi ra ngoài, không thấy ai đến gặp P2. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa H và P2, H khẳng định P2 là người bán ma túy cho mình nhưng P2 phủ nhận, P2 cho rằng hai bên gọi điện với nhau chỉ hẹn để đến chơi, xem chim và dao. Như vậy, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thực hiện đầy đủ các biện pháp điều tra cần thiết đối với Vì Văn P2. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo H và lịch sử cuộc gọi giữa H và P2,

không có đủ căn cứ chứng minh Vì Văn P2 là người đã bán ma túy cho các bị cáo. Tuy nhiên, để đảm bảo yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống ma túy tại địa phương, Hội đồng xét xử kiến nghị Công an huyện S tiếp tục điều tra, làm rõ các đối tượng có hành vi mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn bản C, xã N2 để xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[7] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải là người nghiện ma túy và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do vậy, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có cụ nội Vì Thị H2 được Nhà nước trao tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, ông nội Lò Văn U được trao tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, bà nội Lò Thị Th được trao tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, ông ngoại Lò Văn T3 được trao tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, bà ngoại Lò Thị N3 được trao tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, bố đẻ Lò Văn P được Bộ trưởng Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Bên cạnh đó, khi bị Tổ công tác dừng lại để kiểm tra hành chính, trên người bị cáo H không có ma túy, việc H vừa mua ma túy chưa bị phát hiện, nếu H không khai báo thì cơ quan chức năng không thể phát hiện tội phạm. Biên bản sự việc (BL 01) và Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 12-19) đều thể hiện H đã chủ động khai nhận với Tổ công tác Công an xã N2 về hành vi phạm tội của mình và đồng phạm trước khi tội phạm bị phát hiện. Do đó, bị cáo H được áp dụng tình tiết “*Người phạm tội tự thú*” theo điểm r khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Việc bị cáo H khai ra bị cáo N và chỉ nơi cất giấu ma túy đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên bị cáo không được áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt chính: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy: các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có mục đích vụ lợi, nghề nghiệp đều là trồng trọt, phụ giúp gia đình, chưa có thu nhập ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng

hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Số lượng ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy. 01 bật lửa gas là công cụ dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy; các vỏ phong bì niêm phong vật chứng, 01 mảnh nilon màu xanh đựng vật chứng, 01 mảnh bê tông màu xám là những vật không còn giá trị sử dụng, cần tiêu hủy. Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu xanh đen thu của Tống Văn N không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26K4-4699 là của ông Tống Văn N1, ông N1 không biết việc các bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho ông N1. Số tiền 290.000 đồng các bị cáo dùng để mua ma túy là của anh Lò Văn T. Anh T không biết việc các bị cáo dùng tiền để mua ma túy nên cần trả lại cho anh T.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lò Văn H 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn H.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Tống Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Tống Văn N 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tống Văn N.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tiêu hủy: 01 phong bì của Công an huyện S, tỉnh Sơn La đã được niêm phong một mặt phong bì ghi: “*Vật chứng lưu kho vụ: Lò Văn H và Tống Văn N tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 06/7/2022. Bên trong phong bì chứa 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở, 01 mảnh nilon màu xanh*”; 01 phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La niêm phong, một mặt ghi “*Công an tỉnh Sơn La, Phòng kỹ thuật hình sự, Phong bì niêm phong vật chứng vụ: Lò Văn H và Tống Văn N - Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 06/7/2022 tại xã N2, huyện S, Sơn La. Niêm phong hồi 15 giờ 00 phút ngày 13/7/2022 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. Gồm có 01 phong bì niêm phong mẫu giám định đã bóc mở và chất bột màu hồng thuộc mẫu gửi giám định ký hiệu HN không sử dụng đến trong quá trình giám định, có khối lượng 0,30 gam*”; 01 bật lửa màu vàng nhãn hiệu H-VIET; 01 mảnh bê tông màu xám kích thước 37cm x 41cm x 1,5cm.

- Trả lại cho bị cáo Tống Văn N 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu

xanh đen đã qua sử dụng. Trả lại cho ông Tòng Văn N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future X màu xám đen có BKS 26K4-4966, số khung 226050, số máy 0069021, đã qua sử dụng. Trả lại cho anh Lò Văn T 290.000 đồng (hai trăm chín mươi nghìn đồng) đựng trong 01 phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La niêm phong, một mặt ghi “Phong bì niêm phong vật chứng vụ Tòng Văn N, sinh năm 1998, trú tại bản D, xã D2, huyện S, Sơn La - Tàng trữ trái phép chất ma túy. Niêm phong hồi 08 giờ 15 phút ngày 15/7/2022 tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. Gồm có 290.000đ”.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lò Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Tòng Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án và ông Tòng Văn N1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông N1 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/01/2022). Anh Lò Văn T có quyền kháng cáo kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sốp Cộp;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cơ quan THAHS CA huyện Sốp Cộp;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam CA tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Sốp Cộp;
- Các bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam